



## NHÀ NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HOÀ - THÀNH QUẢ CỦA MỘT CUỘC CÁCH MẠNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC ĐIỂN HÌNH

PGS.TS VŨ QUANG HIỂN\*

**N**ước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là con đẻ của cuộc Cách mạng tháng Tám năm 1945, kết quả của cuộc đấu tranh anh dũng của nhân dân Việt Nam, đoàn kết chặt chẽ trong Mặt trận Việt Minh, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương, được thành lập và xây dựng theo tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước pháp quyền của dân, do dân và vì dân; chấm dứt chế độ thống trị thực dân phong kiến, mở ra kỉ nguyên mới trong lịch sử dân tộc - kỉ nguyên độc lập tự do, dân chủ, cộng hòa và hướng tới chủ nghĩa xã hội.

### 1. Cách mạng giải phóng dân tộc và hình thức chính quyền nhà nước.

Vấn đề cơ bản của mọi cuộc cách mạng xã hội là vấn đề chính quyền. Song, trong điều kiện một nước thuộc địa, phải tiến hành cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, thì hình thức chính quyền nhà nước sẽ thành lập sau khi cách mạng thành công phải như thế nào? Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Chúng ta đã hy sinh làm cách mệnh, thì nên làm cho đến nơi, nghĩa là làm sao cách mệnh rồi thì quyền giao cho dân chúng số nhiều, chớ để trong tay một bọn ít người. Thế mới khỏi hy sinh nhiều lần, thế dân chúng mới được hạnh phúc”<sup>1</sup>.

*Cương lĩnh chính trị* đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam nhấn mạnh nhiệm vụ lật đổ ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc và phong kiến, làm cho nước Việt Nam

hoàn toàn độc lập, “dựng ra Chính phủ công - nông - binh”<sup>2</sup>. Đó là hình thức chính quyền của đông đảo quần chúng lao động bị áp bức vùng dậy đấu tranh vì độc lập, tự do.

Trong cao trào cách mạng Việt Nam năm 1930, chính quyền nhà nước dưới hình thức các ủy ban tự quản theo kiểu Xô viết đã ra đời ở một số vùng nông thôn Nghệ An và Hà Tĩnh. Mặc dù nó chỉ tồn tại trong một thời gian ngắn nhưng đã in đậm dấu ấn trong đông đảo quần chúng lao động về một chính quyền nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân.

Hình thức chính quyền nhà nước phản ánh tính chất của cách mạng, phản ánh lực lượng tham gia cách mạng. Trong điều kiện một nước thuộc địa, không chỉ có công nhân và nông dân, mà tiểu tư sản, tư sản dân tộc, địa chủ vừa và nhỏ cũng đều là những giai cấp bị trị, phải chịu nỗi nhục mất nước. Mặc dù các giai cấp này có mặt hạn chế nhưng đều có mâu thuẫn với đế quốc Pháp về quyền lợi dân tộc và có khả năng tham gia cuộc cách mạng giải phóng dân tộc. Lực lượng của cách mạng giải phóng dân tộc bao gồm toàn dân tộc. Vì thế, cần có một hình thức chính quyền rộng rãi hơn, phù hợp hơn, chủ yếu là công - nông, nhưng không chỉ đơn thuần công - nông, mà còn phải bao gồm các giai cấp và

\* Trường Đại học Khoa học - Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội.

tầng lớp yêu nước khác.

Trong cuộc vận động cứu nước giai đoạn 1939-1945, Ban Chấp hành Trung ương Đảng phân tích các quan hệ giai cấp, xã hội và chỉ rõ: “Dầu là anh tư bản, anh địa chủ, một anh thợ hay một anh dân cày đều cảm thấy cái ách nặng nề của đế quốc là không thể nào sống được. Quyền lợi tất cả các giai cấp bị cướp giạt, vận mạng dân tộc nguy vong không lúc nào bằng.

Pháp - Nhật ngày nay không phải chỉ là kẻ thù của công - nông mà là kẻ thù của cả dân tộc Đông Dương”<sup>3</sup>.

Để phù hợp với tính chất và lực lượng tham gia cách mạng, Đảng có chủ trương mới về hình thức chính quyền nhà nước. Nếu như trước đây, trong *Cương lĩnh chính trị đầu tiên* và *Luận cương chính trị* tháng 10-1930, Đảng chủ trương thành lập chính quyền công - nông, thì trong hoàn cảnh mới, Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng (tháng 11-1939) chủ trương thành lập chính quyền nhà nước với hình thức cộng hoà, dân chủ trong phạm vi toàn Đông Dương. Thì đến Hội nghị 8 (tháng 5-1941) chủ trương “sau lúc đánh đuổi được Pháp - Nhật sẽ thành lập một nước Việt Nam dân chủ mới theo tinh thần dân chủ. Chính quyền cách mạng của nước dân chủ mới ấy không phải thuộc quyền riêng của một giai cấp nào mà là của chung của toàn thể dân tộc”<sup>4</sup>.

## 2. Bước đầu kiến lập Nhà nước Việt Nam mới.

Ngày 16-4-1945, Tổng bộ Việt Minh ra chỉ thị tổ chức các uỷ ban dân tộc giải phóng từ cấp cơ sở đến toàn quốc. Đó là “hình thức tiền chính phủ, trong đó nhân dân học tập để tiến lên giữ chính quyền cách mạng”. “Uỷ ban dân tộc giải phóng Việt Nam (toàn quốc) tức là Chính phủ lâm thời cách mạng Việt Nam”<sup>5</sup>.

Trước sức mạnh áp đảo của cả dân tộc, chính quyền của phát xít Nhật và tay sai bị đập tan. Cựu hoàng Bảo Đại đã Tuyên cáo

thoái vị. “Chính quyền cách mạng được thừa nhận, hợp pháp hóa một cách vẻ vang nhất bởi sự tham gia cuồng nhiệt của toàn thể nhân dân Việt Nam”<sup>6</sup>.

Theo đề nghị của Chủ tịch Hồ Chí Minh sau khi về Hà Nội (ngày 25-8-1945), Ủy ban dân tộc giải phóng Việt Nam tự cải tổ thành Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa với 15 thành viên do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch. Nhiều đại biểu Việt Minh tự nguyện rút khỏi Chính phủ để mời thêm nhân sĩ ngoài Việt Minh tham gia. Tuyên cáo của Chính phủ lâm thời (ngày 28-8-1945) nêu rõ khẩu hiệu “Toàn dân đoàn kết! Tranh thủ hoàn toàn độc lập!”. Đó “thật là một Chính phủ quốc gia thống nhất giữ trọng trách là chỉ đạo cho toàn thể, đợi ngày triệu tập được Quốc hội để cử ra một Chính phủ Dân chủ Cộng hòa chính thức”<sup>7</sup>.

Trong tình thế hiểm nghèo của đất nước sau ngày Cách mạng tháng Tám thành công, lễ Tuyên bố độc lập được chuẩn bị khẩn trương và tổ chức trọng thể tại vườn hoa Ba Đình (Hà Nội) ngày 02-9-1945, Chính phủ lâm thời ra mắt quốc dân. Thay mặt Chính phủ lâm thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn Độc lập, tuyên bố trước đồng bào cả nước và toàn thế giới sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Ngày 03-9-1945, Chính phủ lâm thời đề ra sáu nhiệm vụ cấp bách; trong đó, có nhiệm vụ xây dựng bộ máy nhà nước, tổ chức tổng tuyển cử bằng phổ thông đầu phiếu bầu Quốc hội để lập ra Chính phủ chính thức và ấn định hiến pháp. Chủ tịch Chính phủ ra một loạt sắc lệnh để nhằm thực thi quyền làm chủ của nhân dân: *Sắc lệnh* số 14 (ngày 08-9-1945) quy định trong thời gian hai tháng sẽ mở cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội và Quốc hội có toàn quyền ấn định hiến pháp, *Sắc lệnh* số 34 (ngày 20-9-1945) lập Ủy ban dự thảo *Hiến pháp*, *Sắc lệnh* số 39 (ngày 26-9-1945) thành lập Ủy ban dự thảo thể lệ tổng

tuyển cử gồm 9 người, *Sắc lệnh* số 51 (ngày 17-10-1945) quy định tổng tuyển cử bằng cách phổ thông đầu phiếu...

Trong bối cảnh hết sức phức tạp, ngày 01-01-1946, Chính phủ lâm thời tự cải tổ thành Chính phủ liên hiệp lâm thời với 18 thành viên, mở rộng thêm một số thành viên của Việt Quốc, Việt Cách. Chính phủ liên hiệp lâm thời ra Tuyên bố chính sách về đối nội và đối ngoại, trong đó nêu rõ: "Vì muốn tranh thủ hoàn toàn nền độc lập, muốn có sự hợp tác chặt chẽ giữa các đảng phái để làm cho Chính phủ mạnh mẽ thêm, nên nay đổi thành Chính phủ liên hiệp lâm thời. Trong giai đoạn này, các đảng phái phải đoàn kết thì Chính phủ mới vượt qua được các cơn sóng gió. Hết thảy quốc dân Việt Nam ai cũng mong chờ Chính phủ liên hiệp lâm thời giữ chức đến Quốc hội (đến khi tổng tuyển cử bầu ra Quốc hội - BT) thì đổi thành Chính phủ liên hiệp chính thức"<sup>8</sup>.

Việc chuẩn bị tổng tuyển cử được Chính phủ chỉ đạo chặt chẽ và khẩn trương. Nhân dịp năm mới, Chủ tịch Chính phủ liên hiệp lâm thời Hồ Chí Minh gửi thư chúc tết đồng bào cả nước, nêu rõ những công việc quan trọng phải làm; trong đó, có nhiệm vụ hăng hái tham gia cuộc tổng tuyển cử để tổ chức một Quốc hội đủ tinh thần và lực lượng thay mặt cho dân.

Ngày 06-01-1946, cuộc Tổng tuyển cử đã bầu ra Quốc hội lập hiến đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa với 333 đại biểu, đánh dấu bước phát triển nhảy vọt về thể chế dân chủ của nước Việt Nam mới.

Ngày 02-3-1946, Quốc hội khóa I họp tại Nhà hát lớn, thành phố Hà Nội. Theo đề nghị của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Quốc hội đã chuẩn y việc mở rộng thêm 70 ghế đại biểu Quốc hội cho Việt Quốc và Việt Cách. Quốc hội đã bầu Chủ tịch chính thức Hồ Chí Minh, Phó Chủ tịch Nguyễn Hải Thần và giao cho hai vị thành lập Chính

phủ mới. Chính phủ liên hiệp kháng chiến được thành lập gồm 12 thành viên (Chủ tịch, Phó Chủ tịch và 10 bộ trưởng); trong đó, có ba đại diện của Việt Minh, ba đại diện của Việt Quốc, hai đại diện của Việt Cách, còn lại là nhân sĩ yêu nước. Cố vấn đoàn do cố vấn tối cao Vĩnh Thụy phụ trách. Kháng chiến uỷ viên hội do Võ Nguyên Giáp làm Chủ tịch, Vũ Hồng Khanh làm Phó Chủ tịch.

Để đảm bảo quyền dân chủ của công dân Việt Nam, hệ thống quyền lực và hành chính ở địa phương được xây dựng. Chính phủ ra sắc lệnh về tổ chức hội đồng nhân dân và ủy ban hành chính ở cấp tỉnh và xã; ủy ban hành chính ở cấp kỳ và huyện. Hội đồng nhân dân do dân bầu ra theo lối phổ thông và trực tiếp đầu phiếu là cơ quan thay mặt cho dân. Ủy ban hành chính do các hội đồng nhân dân bầu ra là cơ quan hành chính, vừa thay mặt cho dân, vừa đại diện cho Chính phủ. Đến đầu tháng 3-1946, việc bầu cử hội đồng nhân dân và ủy ban hành chính đã cơ bản hoàn thành ở các tỉnh Bắc Bộ và Trung Bộ. Ban Thanh tra đặc biệt và Tòa án đặc biệt được thành lập, hoạt động có tính cách tạm thời theo quy định trong các sắc lệnh của Chủ tịch Chính phủ.

Chính phủ hết sức quan tâm tổ chức soạn thảo Dự án *Hiến pháp* và công bố rộng rãi để lấy ý kiến đóng góp của nhân dân. Trong khi Quốc hội chưa thông qua Hiến pháp và ban hành các đạo luật, Chủ tịch Chính phủ ra *Sắc lệnh* số 48 (ngày 10-10-1945) quy định tạm thời giữ các luật lệ hiện hành ở Trung, Nam, Bắc nếu những luật ấy không trái với những điều thay đổi ấn định trong *Sắc lệnh* này. Việc duy trì những luật cũ là sự kế thừa cần thiết có nguyên tắc, cho đến khi ban hành những bộ luật duy nhất trên toàn cõi Việt Nam. Ngày 09-11-1946, Quốc hội đã thông qua *Hiến pháp* nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, đạo luật cơ bản của quốc gia độc lập có chủ quyền. Bản *Hiến pháp* đầu tiên

được xây dựng trên những nguyên tắc: đoàn kết toàn dân; đảm bảo các quyền tự do dân chủ; thực hiện chính quyền mạnh mẽ và sáng suốt của nhân dân.

Theo đó, bộ máy chính quyền nhà nước dân chủ, cộng hòa được kiện toàn từ trung ương tới địa phương.

### 3. Xây dựng một nhà nước pháp quyền của dân tộc, do dân tộc và vì dân tộc - thành công và kinh nghiệm lịch sử.

Ra đời từ thắng lợi và cùng với thắng lợi của cuộc khởi nghĩa dân tộc, Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là một Nhà nước của dân tộc, do dân tộc và vì dân tộc. Tuyên ngôn của Quốc hội Việt Nam ngày 02-3-1946 khẳng định: “Chủ quyền của nước Việt Nam độc lập thuộc về toàn thể dân Việt Nam”. “Vận mệnh quốc gia Việt Nam ở trong tay Quốc hội, chính thể của nước Việt Nam là chính thể dân chủ cộng hòa, có nhiệm vụ bảo vệ tự do và mưu đồ hạnh phúc cho mọi tầng lớp nhân dân. Các dân tộc trên lãnh thổ Việt Nam đều có quyền hạn và nhiệm vụ ngang nhau”. “Quốc hội Việt Nam kiên quyết bảo vệ đến cùng nền độc lập và lãnh thổ của quốc gia và quyền tự do của nhân dân Việt Nam”<sup>9</sup>.

Lần đầu tiên trong lịch sử, nhân dân Việt Nam thấy được chính quyền nhà nước mới do Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh lãnh đạo nhân dân giành được và xây dựng là chính quyền của mình, là công cụ để xây dựng xã hội mới.

*Về đối nội*, Nhà nước Việt Nam đã xóa bỏ những tàn tích của chế độ thực dân, phong kiến, từng bước ban hành những văn bản pháp luật căn bản làm nền tảng cho chính quyền mới của nhân dân: đảm bảo các quyền dân chủ, tự do cá nhân, tổ chức bầu cử hội đồng nhân dân, ban hành chế độ lao động ngày làm 8 giờ, thực hiện giảm tô, tổ chức tổng tuyển cử để bầu Quốc hội. Chính quyền nhà nước đã động viên và tổ chức toàn dân đứng lên chống giặc đói, giặc dốt và giặc ngoại xâm, xây dựng một nước Việt Nam độc lập, tự do, hạnh phúc.

phú cường.

*Về đối ngoại*, Nhà nước Việt Nam đã dựa vào sức mạnh đoàn kết dân tộc, phát huy yếu tố chính nghĩa của cuộc đấu tranh vì độc lập, tự do, sớm thi hành chính sách đối ngoại mở cửa và hội nhập, “làm bạn với mọi nước dân chủ, không gây thù oán với một ai”, dùng biện pháp chủ yếu là đối thoại với các thế lực đế quốc, chuyển từ đối đầu về quân sự sang đối thoại hoà bình, gắng sức tránh một cuộc chiến tranh, nhất là một cuộc chiến tranh xảy ra quá sớm; tranh thủ mọi khả năng để hoà hoãn với kẻ thù, kiên trì, nhẫn nại nhưng không nhu nhược, không tuyệt đối hoá khả năng hoà bình, mà vẫn chủ động chuẩn bị lực lượng để đối phó với khả năng chiến tranh.

Thành công của quá trình xây dựng Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa để lại những kinh nghiệm lịch sử quý báu:

*Thứ nhất*, phải thực hiện Nhà nước là của dân. Tất cả mọi quyền lực trong Nhà nước và trong xã hội đều thuộc về nhân dân. *Hiến pháp* nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa 1946 ghi rõ: “Tất cả quyền bính trong nước là của toàn thể nhân dân, không phân biệt nòi giống, gái trai, giàu nghèo, giai cấp, tôn giáo”. “Những việc quan hệ đến vận mệnh quốc gia sẽ đưa ra nhân dân phúc quyết”<sup>10</sup>.

Nhà nước là công cụ chủ yếu để thực hiện quyền làm chủ của nhân dân, dân có vị thế là chủ, nên nhân dân là người có quyền kiểm soát Nhà nước. Mặt khác, dân làm chủ, nên dân vừa có quyền lại vừa có nghĩa vụ đối với Nhà nước của mình. Nhân dân có quyền bầu ra các đại biểu và ủy quyền cho những đại biểu đó bàn và quyết định những vấn đề quốc kế, dân sinh. Mặt khác, dân cũng có quyền bãi miễn những đại biểu Quốc hội và đại biểu hội đồng nhân dân nếu những đại biểu đó tỏ ra không xứng đáng với sự tín nhiệm của nhân dân.

Quyền lực của nhân dân luôn ở vị trí cao nhất, nên Nhà nước phải phát huy

quyền làm chủ của nhân dân, bằng một thiết chế dân chủ. Những người lãnh đạo, những đại biểu của nhân dân, nhất là những người trong các cơ quan công quyền phải làm đúng chức trách của mình, không được quên rằng dân bầu mình ra là để làm việc cho dân.

*Thứ hai*, Nhà nước là do dân lập nên để lo việc nước, vì thế, phải làm cho dân giác ngộ, có đủ năng lực xây dựng Nhà nước, thực hiện việc nước là việc chung, mỗi người đều phải có trách nhiệm ghé vai gánh vác một phần. *Hiến pháp* 1946 thể hiện rõ Nhà nước là do dân lập ra và do nhân dân quản lý, cụ thể là:

- Tất cả công dân bầu ra Quốc hội là cơ quan quyền lực cao nhất của Nhà nước, nắm quyền lập pháp. Thông qua Quốc hội, việc quản lý và điều hành mọi công việc của bộ máy nhà nước đều thực hiện ý chí của dân.

- Quốc hội, theo chế độ dân chủ đại diện, bầu ra Chủ tịch nước, Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Hội đồng Chính phủ - cơ quan hành chính cao nhất của Nhà nước, có trách nhiệm chấp hành pháp luật và thực hiện các nghị quyết của Quốc hội.

*Thứ ba*, Nhà nước phải vì dân, lấy lợi ích của nhân dân làm mục tiêu hành động, làm cho dân có ăn, có mặc, có chỗ ở, được học hành. Việc gì lợi cho dân phải hết sức làm. Việc gì hại cho dân phải hết sức tránh. Ngoài lợi ích chính đáng của nhân dân, của dân tộc, Nhà nước không thể có bất cứ một lợi ích nào khác. Phải xây dựng một Nhà nước trong sạch, không có đặc quyền đặc lợi.

Từ Chủ tịch nước đến công chức đều phải vì dân, đều là “công bộc” của dân, làm việc do dân uỷ thác.

*Thứ tư*, Nhà nước phải quản lý xã hội bằng *Hiến pháp*, pháp luật. Trong hoàn cảnh hết sức khó khăn sau ngày Cách mạng tháng Tám thành công, Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã sớm

chăm lo việc xây dựng *Hiến pháp*, làm cơ sở để sau này, mặc dù trong điều kiện chiến tranh, vẫn từng bước xây dựng hệ thống pháp luật, nhằm điều hành Nhà nước và xã hội có hiệu quả bằng pháp quyền.

Một nhà nước có hiệu lực pháp lý mạnh mẽ không chỉ được xây dựng trên cơ sở hợp pháp, hợp hiến, mà còn phải quản lý, điều hành đất nước bằng *Hiến pháp*, pháp luật, đồng thời xây dựng một đội ngũ cán bộ, công chức đủ đức và tài.

*Thứ năm*, phải xây dựng bộ máy nhà nước trong sạch, vững mạnh và hoạt động hiệu quả. Ngay từ đầu trong việc xây dựng bộ máy nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã quan tâm đề phòng, khắc phục biểu hiện tiêu cực trong bộ máy nhà nước; vừa chú trọng giáo dục cán bộ, công chức, vừa tăng cường tính nghiêm minh của pháp luật.

Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ngay từ khi còn phôi thai đến lúc được xây dựng và củng cố sau này đã trải qua những thử thách vô cùng cam go. Quá trình thiết lập và xây dựng Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa không chỉ có giá trị về mặt lịch sử, mà còn có ý nghĩa thực tiễn to lớn đối với công cuộc xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN ngày nay □

1. Hồ Chí Minh: Toàn tập, Tập 2, NXB CTQG, H. 2000, tr. 270.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng Toàn tập, Tập 2, NXB CTQG, H. 1998, tr. 2.

3, 4, 5. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng Toàn tập, Tập 7, NXB CTQG, H. 2000, tr. 112, 114, 535.

6. Bản án chủ nghĩa thực dân Pháp ở Việt Nam, NXB Lao động, H. 1977, tr. 102.

7. Việt Nam dân quốc công báo, ngày 29-9-1945, tr. 2.

8. Sự thật (báo), số 10, ngày 9-01-1946.

9. Xem Lịch sử Chính phủ Việt Nam, Tập 1 (1945-1955), NXB CTQG, H. 2006, tr. 377-378.

10. Xem Lịch sử Quốc hội Việt Nam, Tập 1, NXB CTQG, H. 2000, tr. 272-277.